



|   |   |  |
|---|---|--|
|   | - D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa.   |  |
| 3 | <p><b>Điều 8. Ưu đãi đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước</b></p> <p>1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo khi tham dự thầu <b>gói thầu thuộc lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo</b> không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đăng ký hàng hóa với cơ quan nhà nước liên quan.</p>   | <p><b>Điều 8. Ưu đãi đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước</b></p> <p>1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo khi tham dự thầu <b><u>có sản phẩm ĐMST của doanh nghiệp này</u></b> không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đăng ký hàng hóa với cơ quan nhà nước liên quan.</p>  |
| 4 | <p><b>Điều 9. Ưu đãi đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam trên cơ sở sáng chế, công nghệ mới, sản phẩm mới hoặc được chuyển giao công nghệ</b></p> <p>1. Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ, <b>bao gồm doanh nghiệp khoa học và công nghệ</b> theo quy định pháp luật về khoa học công nghệ để sản xuất ra hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với hồ sơ mời thầu:</p> <p>a) Không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất;</p> | <p><b>Điều 9. Ưu đãi đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam trên cơ sở sáng chế, công nghệ mới, sản phẩm mới hoặc được chuyển giao công nghệ</b></p> <p>1. Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ, <b>theo quy định pháp luật về khoa học công nghệ</b> để sản xuất ra hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với hồ sơ mời thầu:</p> <p>a) Không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất;</p> |
| 5 | <p><b>Điều 10. Ưu đãi đối với sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương</b></p> <p>1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương phải mua sắm xanh phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Có tối thiểu 03 doanh nghiệp Việt Nam sản xuất hàng hoá xuất xứ Việt Nam, dịch vụ được dán nhãn sinh thái, nhãn năng lượng đối với mỗi mặt hàng, dịch vụ;</p>  | <p><b>Điều 10. Ưu đãi đối với sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương</b></p> <p>1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương phải mua sắm xanh phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Có tối thiểu 03 doanh nghiệp Việt Nam <b><u>kể cả doanh nghiệp này</u></b> sản xuất hàng hoá xuất xứ Việt Nam, dịch vụ được dán nhãn sinh thái, nhãn năng lượng đối với mỗi mặt hàng, dịch vụ;</p>  |
| 6 | <p><b>Điều 11. Ưu đãi đối với đấu thầu bền vững</b></p> <p>2. Đưa vào công thức xác định giá đánh giá, trong đó lượng hóa các yếu tố đấu thầu bền vững vào công thức xác định giá đánh giá để so sánh xếp hạng nhà thầu.</p>  | <p>2. Đưa vào công thức xác định giá đánh giá, trong đó lượng hóa các yếu tố đấu thầu bền vững vào công thức xác định giá đánh giá để so sánh xếp hạng nhà thầu.</p> <p><b>=&gt; Cần phải có con số cụ thể</b></p>   |

|    |   |   |
|----|---|---|
| 7  | <p><b>Điều 12</b></p> <p>3. Chi phí lập, thẩm định hồ sơ:</p> <p>a) Chi phí lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là <b>30.000.000 đồng</b>;</p> <p>b) Chi phí thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,06% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng;</p> <p>c) Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,2% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng và tối đa là <b>60.000.000 đồng</b>;</p> <p>d) Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là <b>60.000.000 đồng</b>.</p> | <p><b>Điều 12</b></p> <p>3. Chi phí lập, thẩm định hồ sơ:</p> <p>a) Chi phí lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là <b>50.000.000 đồng</b>;</p> <p>b) Chi phí thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,06% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng;</p> <p>c) Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,2% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng và tối đa là <b>100.000.000 đồng</b>;</p> <p>d) Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là <b>100.000.000 đồng</b>.</p> |
| 8  | <p><b>Điều 15</b></p> <p>2. Căn cứ xác định giá gói thầu:</p> <p>Giá gói thầu được lập căn cứ theo một trong các thông tin sau</p>  | <p><b>Điều 15</b></p> <p>2. Căn cứ xác định giá gói thầu:</p> <p>Giá gói thầu được lập căn cứ theo <b>ít nhất 3 mục</b> trong các thông tin sau</p>   |
| 9  | <p>e) Giá kê khai, niêm yết của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, đại lý, nhà phân phối, nhà cung ứng, doanh nghiệp</p>  | <p><b>Việc kê khai, niêm yết ở đâu?</b></p>   |
| 10 | <p>5. Bộ Y tế chịu trách nhiệm hướng dẫn cách xây dựng giá gói thầu đối với gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế.</p>   | <p><b>Nhưng không được trái với khoản 2 của điều này.</b></p>   |
| 11 | <p>6. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn cách xây dựng giá gói thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm, trừ gói thầu quy định tại khoản 5 Điều này.</p>  | <p><b>Nhưng không được trái với khoản 2 của điều này.</b></p>   |